

Bản án số: 237/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 6 - 2019
“V/v ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Bích T, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Số 303, tổ 10, ấp PA B, xã PV, thị xã TC, tỉnh AG (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Số 312, tổ 06, ấp TH A2, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG (vắng mặt, có đơn ngày 07 tháng 5 năm 2019 yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị Bích T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Bích T với anh Nguyễn Văn V sống chung với nhau vào năm 2009, hôn nhân do anh chị tự tìm hiểu, sau đó được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, anh V không chăm lo cho vợ con, mỗi lần anh V nhậu về thường hay kiểm chuyện rồi xảy ra cãi vã, có những lời lẽ xúc phạm chị T, dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2019 đến nay. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh V.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh V có 01 đứa con chung tên: Nguyễn Duy K, sinh ngày 20/4/2010, hiện nay đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn V có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh V thống nhất với lời trình bày của chị T về điều kiện, thời gian kết hôn, cũng như mâu thuẫn tình cảm vợ chồng. Anh V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- Về con chung: Anh V thống nhất như lời trình bày của chị V về con chung, anh V đồng ý giao con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 20/4/2010 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG:

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 – 71 - 234 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt phiên tòa lần thứ 1 nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị Bích T và anh Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị T và anh V, chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 20/4/2010, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh V xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Phan Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Phan Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn V. Anh V có địa chỉ cư trú tại: Tổ 06, ấp TH A2, thị xã TC, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Bích T và anh Nguyễn Văn V sau thời gian tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý, quyết định sống chung như vợ chồng vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống như tính tình không hợp nhau, anh V thường xuyên nhậu, không chăm sóc cho vợ con, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đã không còn sống chung từ đầu năm 2019 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn V, quá trình giải quyết vụ án anh V có lời khai cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy, mặc dù chị T và anh V thuận tình ly hôn nhưng do chị T và anh V sống chung không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh V là phù hợp.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Phan Thị Bích T và anh Nguyễn Văn V có 01 con chung tên: Nguyễn Duy K, sinh ngày 20/4/2010, hiện nay đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, anh V đồng ý theo yêu cầu của chị T, nguyện vọng của cháu K là được tiếp tục sống với chị T. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của chị T và anh V là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu K. Do đó Hội đồng xét xử công nhận việc thỏa thuận nuôi con chung giữa chị T và anh V.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh V thống nhất trình bày không có, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang theo biên

lai thu số 0001881 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị Bích T và anh Nguyễn Văn V.

- Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị Phan Thị Bích T và anh Nguyễn Văn V, chị Phan Thị Bích T được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 20/4/2010 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phan Thị Bích T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Phan Thị Bích T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001881 ngày 09/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG.

- Chị Phan Thị Bích T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa cũng có quyền kháng cáo trong thời hạn trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND TX TC;
- Chi cục THADS TX TC;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hòa Bình